Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4002.41.00

Mã HS	4002.41.00
Mô tả hàng hóa	Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải; hỗn hợp của một sản phẩm bất kỳ của nhóm 40.01 với một sản phẩm bất kỳ của nhóm này, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải / - Cao su chloroprene (chlorobutadiene) (CR): / - - Dạng latex (dạng mủ cao su)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 02:02:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/40024100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6337
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6337
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6337
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP	1	1%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM6337
Thuế XK ưu đãi EVFTA	1	1%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP6337
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	1	1%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS6337

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6126
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6087
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6087
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6087
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6087
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6087
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6087
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6131
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6131
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6131
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6131

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6131
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6131
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6129
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6129
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6129
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6129
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6129
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6129
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6137
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6093
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6089
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6089
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6089
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6089
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6089
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6089
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6113
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6113
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6113
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6113
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6113
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6113
VCFTA	2022	2022	0	VC!D6155
VCFTA	2023	2023	0	VC!E6155
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6155
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6155

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6155
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6155
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6140
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6140
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6140
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6140
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6140
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6140
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6143
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6143
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6143
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6143
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6143
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6143
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D6128
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6128
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6128
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6128
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6128
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6128
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D6130
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6130
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6130
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6130
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6130
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6130

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6115
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6115
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6115
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6115
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6115
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6115
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6115
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6133
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6133
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6133
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6133
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6133
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6133
RCEP B	2022	2022	0	B!D6133
RCEP B	2023	2023	0	B!E6133
RCEP B	2024	2024	0	B!F6133
RCEP B	2025	2025	0	B!G6133
RCEP B	2026	2026	0	B!H6133
RCEP B	2027	2027	0	B!I6133
RCEP C	2022	2022	0	C!D6133
RCEP C	2023	2023	0	C!E6133
RCEP C	2024	2024	0	C!F6133
RCEP C	2025	2025	0	C!G6133
RCEP C	2026	2026	0	C!H6133
RCEP C	2027	2027	0	C!I6133
RCEP D	2022	2022	0	D!D6133

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E6133
RCEP D	2024	2024	0	D!F6133
RCEP D	2025	2025	0	D!G6133
RCEP D	2026	2026	0	D!H6133
RCEP D	2027	2027	0	D!I6133
RCEP E	2022	2022	0	E!D6136
RCEP E	2023	2023	0	E!E6136
RCEP E	2024	2024	0	E!F6136
RCEP E	2025	2025	0	E!G6136
RCEP E	2026	2026	0	E!H6136
RCEP E	2027	2027	0	E!I6136
RCEP F	2022	2022	0	F!D6133
RCEP F	2023	2023	0	F!E6133
RCEP F	2024	2024	0	F!F6133
RCEP F	2025	2025	0	F!G6133
RCEP F	2026	2026	0	F!H6133
RCEP F	2027	2027	0	F!I6133
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5675
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5675
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5675
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5675

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4002.41.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4002.41.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6337), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.